TÒA ÁN NHÂN DÂN **HỆN H L** **TỈNH T H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bản án số:144/2021/HNGĐ-ST Ngày 29-9-2021 *V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN HẬU LỐC – TỈNH T H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Sang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Công Kiều

2. Ông Lê Nam Văn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hường

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện H L tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Hện H L xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 83/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2021giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1972

Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: Khu Minh Hòa, thị trấn H L, Hện H L, T H.

Tại phiên tòa vắng mặt chị Đ (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt), vắng mặt anh H (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Chị và anh Trần Văn H có thời gian tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Thịnh Lộc (nay là thị trấn H L) vào năm 1997. Do thời gian đã lâu nên đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên

sảy ra mâu thuẫn do anh H có quan hệ tình cảm ngoài vợ chồng với người khác. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được nên từ năm 2005 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là là Trần Văn Thiện sinh ngày 22/9/1998 và Trần Thị Hoài, sinh ngày 29/11/2002. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng có một số tài sản, công nợ chung nhưng tự thỏa thuận, chưa yêu cầu giải quyết.

Anh Trần Văn H được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình làm việc tại Tòa án không có lý do. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh H nộp bản tự khai trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Đ cưới nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thịnh Lộc (nay là thị trấn H L) năm 1997. Do thời gian đã lâu nên làm mất giấy đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng thường sảy ra mâu thuẫn do không hợp tính cách. Tuy nhiên, đó là mâu thuẫn nhỏ nhặt đời thường, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không muốn ly hôn. Trường hợp chị Đ cương quyết thì đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Văn Thiện sinh ngày 22/9/1998 và Trần Thị Hoài, sinh ngày 29/11/2002. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng có một số tài sản công nợ chung nhưng tự thỏa thuận, chưa yêu cầu giải quyết.

Xác minh tại địa phương: Hiện tại sổ sách tại UBND xã từ năm 2000 trở về trước lưu thông tin về việc đăng ký kết hôn không còn. Chị Đ và anh H chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1997 đến nay. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, đánh chửi nhau. Chính quyền thôn đã can thiệp kHên giải nhiều nhưng mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng không khắc phục được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện H L phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Về cơ bản vụ án đã được tiến hành đúng theo trình tự pháp luật quy định, đã xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân, có đủ cơ sở đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271, 273 BLTTDS.

Điều 9; Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Trần Văn H. Về con chung, chị Đ và anh H có hai con chung nhưng các con đã trưởng thành nên không giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đ khởi kiện ly hôn đối với anh H, anh H đăng ký hộ khẩu và thường trú tại khu Minh Hòa, thị trấn H L, Hện H L, tỉnh T H. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Hện H L theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của BLTTDS xét xử vụ án vắng chị Đ và anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đ và anh H khai nhận chung sống tự nguyện từ năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thịnh Lộc (nay là thị trấn H L) nhưng đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, đánh chửi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2005 đến nay không quan tâm gì đến nhau.

Xét thấy chị Đ và anh H đều không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc có đăng ký kết hôn; Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân, việc đăng ký với cơ quan có thẩm quyền về việc thực hiện theo quy định của Luật HNGĐ và pháp luật về hộ tịch nhưng kết quả không có căn cứ xác định chị Đ và anh H có đăng ký kết hôn.

Chị Đ và anh H chung sống nhưng mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng không khắc phục được. Chính quyền thôn đã can thiệp kHên giải nhiều nhưng không có kết quả. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ. Do không có căn cứ pháp lý chứng minh có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Trần Văn H.

[3] Về con chung: Có 02 con chung là Trần Văn Thiện sinh ngày 22/9/1998 và Trần Thị Hoài, sinh ngày 29/11/2002. Các con đã thành niên, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 9; Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT -TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Toà án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Trần Văn H có 02 con chung đã trưởng thành nên không xem xét.

3. Về tài sản, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Trần Văn H tự thỏa thuận, chưa yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2019/0008176, ngày 06/5/2021tại Chi cục Thi hành án dân sự Hện H L.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ, bị đơn anh Trần Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Sang

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T H;
- VKSND Hện H L;
- Chi cục THADS Hện H L;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn H L;
- Lưu hồ sơ vụ án.